

Số: 69 /QĐ-TYT

Phúc Lộc, ngày 10 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp vắc xin tiêm chủng dịch vụ
4 tháng cuối năm 2025 đợt 1 của Trạm Y tế xã Phúc Lộc**

TRƯỞNG TRẠM Y TẾ XÃ PHÚC LỘC

Căn cứ Khoản 2 Điều 55 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Khoản 17 Điều 4 sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 55 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 Luật đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ vào Quyết định số 65 /QĐ-TYT ngày 05/09/2025 về việc phê duyệt nguồn vốn, danh mục, số lượng, đơn giá vắc xin tiêm chủng dịch vụ 4 tháng cuối năm 2025 đợt 1 của Trạm Y tế xã Phúc Lộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp vắc xin tiêm chủng dịch vụ 4 tháng cuối năm 2025 đợt 1 của Trạm Y tế xã Phúc Lộc, cụ thể như sau:

Đơn vị được lựa chọn cung cấp vắc xin:

*** Công ty TNHH AMV PHARMACEUTICAL**

- Địa chỉ: Khu biệt thự L01, Lô 13, khu đô thị Dương Nội, phường Dương Nội, tp Hà Nội.

- Điện thoại: 024.6666.3228.

- Mã số thuế: 0105993690

- Nội dung cung cấp: Cung cấp vắc xin tiêm chủng dịch vụ 4 tháng cuối năm 2025 đợt 1 của Trạm Y tế xã Phúc Lộc.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

- Nguồn vốn: Nguồn tiêm vắc xin dịch vụ năm 2025.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/12/2025.

- Giá trị hợp đồng : **84.905.625 đồng.**

Bằng chữ: Tám mươi tư triệu, chín trăm linh năm nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng ./.

*** Công ty TNHH Vắc xin Thiên Y**

- Địa chỉ: Số 66B Nguyễn Thái Học, phường Ba Đình, tp Hà Nội.

- Điện thoại: 024.3734.3636

- Mã số thuế: 0103734517
- Nội dung cung cấp: Cung cấp vắc xin tiêm chủng dịch vụ 4 tháng cuối năm 2025 đợt 1 của Trạm Y tế xã Phúc Lộc.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.
- Nguồn vốn: Nguồn tiêm vắc xin dịch vụ năm 2025.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/12/2025.

- Giá trị hợp đồng : **470.362.070 đồng**

Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn không trăm bảy mươi đồng ./.

*** Công ty cổ phần Biovaccine Việt Nam.**

- Địa chỉ: Số 43, phố Trung Kính, phường Yên Hòa, tp Hà Nội.
- Điện thoại: 024.37868.945
- Mã số thuế: 0101787369
- Nội dung cung cấp: cung cấp vắc xin tiêm chủng dịch vụ 4 tháng cuối năm 2025 đợt 1 của Trạm Y tế xã Phúc Lộc.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.
- Nguồn vốn: Nguồn tiêm vắc xin dịch vụ năm 2025.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/12/2025.

- Giá trị hợp đồng : **224.159.250 đồng**

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bốn triệu, một trăm năm mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng ./.

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Ban chỉ đạo tiêm, uống vắc xin dịch vụ, Văn phòng Trạm, Khoa Dược và cận lâm sàng, Khoa Phòng bệnh và các tập thể, cá nhân có liên quan của Trạm Y tế xã Phúc Lộc có trách nhiệm thông báo kết quả đến Nhà cung cấp được lựa chọn và mời Nhà cung cấp đến làm hợp đồng đảm bảo cung ứng vắc xin đúng các quy định hiện hành của Nhà Nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Giao Ban chỉ đạo tiêm, uống vắc xin dịch vụ, Văn phòng Trạm, Khoa Dược và cận lâm sàng, Khoa Phòng bệnh và các tập thể, cá nhân có liên quan và Nhà cung cấp được nêu trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- Lưu: VT, D&CLS



Đỗ Văn Siêng

PHỤ LỤC DANH MỤC

(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-TYT ngày 10 tháng 9 năm 2025)

TT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TC/KT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Thời hạn (tháng)	GD/KLH hoặc GP/NK	Ước số sản xuất, Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4		5	6	7		8	9	10	11	12	
1. Công ty TNHH ANV PHARMACEUTICAL														
1	Abhayrab	Virus đại bại hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	≥ 2,5 IU/0,5ml	Nhóm 5	Tiêm bắp/ Tiêm trong da	Bột đông khô pha tiêm	Hộp đựng 10 lọ vắc xin đơn liều, 10 ống đựng mỗi hoàn nguyên vắc xin (0,5ml/ống) và 10 xy lanh vô trùng	36	QLVX-0805-14	Human Biologics Institute - Ấn Độ	Lọ	189.840	100	18.984.000
2	INDIRAB	Virus đại bại hoạt (chủng Priman moore, được nhân giống trên tế bào Vero)	≥ 2,5 IU/0,5ml	Nhóm 5	Tiêm bắp/ Tiêm trong da	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô đơn liều, 1 ống đựng mỗi hoàn nguyên NaCl 1,5mg/0,5ml và 1 xy lanh vô trùng	36	890310249 723 QLVX-1042-17	Bharat Biotech International Limited - Ấn Độ	Lọ	169.890	100	16.989.000
3	GCElu Quadrivalent Pre-filled Syringe inj	- Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B	(Type A H1N1 - 15mcg; type A H3N2 - 15mcg; type B - 15mcg; type B - 15mcg)/0,5ml	Nhóm 2	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 10 bơm tiêm đóng sẵn x 0,5ml	12	880310646 124 (VX3-1229-21)	GC Biopharma Corp - Hàn Quốc	Lều	259.140	50	12.957.000
4	Heberbiovac HB	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%)	20mcg/ml	Nhóm 5	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 1ml	36	850310304 424 (QLVX-0624-13)	Centro Nacional de Biopreparados (BIOCEN) - Cuba	Lọ	79.905	25	1.997.625
5	Rotavir	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8]	≥ 2 triệu PFU/2ml	Nhóm 4	Uống	Dung dịch uống	Hộp nhỏ chứa 01 lọ x 2ml; Hộp to chứa 10 hộp nhỏ; Hộp 10 lọ x 2ml	24	893310109 424 (QLVX-1039-17)	Trung tâm nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế - Việt Nam	Lọ	339.780	100	33.978.000
Tổng: 05 khoản														84.905.625

TT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tuổi thọ (tháng)	GDKLII hoặc GPK	Cơ sở sản xuất; Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4		5	6	7		8	9	10	11	12	
2. Công ty TNHH Vắc xin Thiên Y														
1	Bexsero	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tại tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tại tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tại tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Mỗi liều (0,5 ml) có chứa: - Protein tổng hợp (fusion protein) NHBA Neisseria meningitidis nhóm B tại tổ hợp: 50mcg. - Protein NadA Neisseria meningitidis nhóm B tại tổ hợp: 50mcg. - Protein tổng hợp fHbp Neisseria meningitidis nhóm B tại tổ hợp: 50mcg. - Túi màng ngoài từ Neisseria meningitidis nhóm B chủng NZ98/254 được đo bằng tổng lượng protein có chứa PorA P1.4: 25mcg	Nhóm 1	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 01 bơm tiêm đóng sẵn 01 liều và 02 kim tiêm	36	80031009 0123	GlaxoSmithKline Vaccines S.r.l. Ý	Hộp	1.529.926	5	7.649.630
2	Gardasil	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin tại tổ hợp từ giả phòng vi-rút HPV ở người typ 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6: 20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg; protein L1 HPV16: 40mcg và protein L1 HPV18: 20mcg	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin tại tổ hợp từ giả phòng vi-rút HPV ở người typ 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6: 20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg; protein L1 HPV16: 40mcg và protein L1 HPV18: 20mcg	Nhóm 1	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ vắc xin đơn liều	36	QL.VX-883-15	Nhà sản xuất: Merck Sharp & Dohme LLC; Cơ sở đóng gói thứ cấp: Merck Sharp & Dohme B.V; Nhà sản xuất: Mỹ - Cơ sở đóng gói thứ cấp: Hà Lan	Lọ	1.509.600	2	3.019.200

TT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tuổi thọ (tháng)	CĐKLH hoặc GPKK	Cơ sở sản xuất: Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4		5	6	7		8	9	10	11	12	
3	Infanrix Hexa	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt typ 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt typ 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt typ 3 bất hoạt (chủng Saukett) 8 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza typ b 10mcg công hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt typ 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt typ 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt typ 3 bất hoạt (chủng Saukett) 8 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza typ b 10mcg công hợp	Nhóm 1	Tiêm bắp	Bột đông khô Hib và hỗn dịch (DTaP-HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn DTaP-HBV-IPV, 1 lọ bột đông khô Hib và 2 kim tiêm	36	30031 0036823	Cơ sở sản xuất: GlaxoSmithKline Biologicals, Cơ sở xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals SA; Cơ sở sản xuất: Pháp; Cơ sở xuất xưởng: Bỉ	Hộp	945.704	100	94 570 400
4	MVVAC	Virus sởi sống, giảm độc lực, chủng AIK-C ≥ 1000 PFU/liều 0,5ml	AIK-C ≥ 1000 PFU/liều 0,5ml		Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	1 hộp vắc xin chứa 10 lọ vắc xin sởi đông khô (10 liều/lọ); 1 hộp nước hối chứa 10 lọ (6ml/lọ)	24	QL.VX-880-15	Trung tâm nghiên cứu, sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế (POL.VVAC); Việt Nam	Lọ	353.017	50	17 650 850
5	Pneumovax 23	Vắc xin chứa 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Dan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Dan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F	Nhóm 1	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn 0,5ml tiêm 2 kim tiêm riêng biệt	28	001310303 524	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Merck Sharp & Dohme LLC; Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme B.V.; Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Hoa Kỳ; Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Hà Lan	Hộp	820.768	20	16 415 360

TT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm T/C/KT	Dường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tuổi thọ (tháng)	C/D/K/L/H hoặc GP/NK	Cơ sở sản xuất; Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4		5	6	7		8	9	10	11	12	
6	Prevenar 13	Mỗi bơm tiêm chứa 1 liều đơn 0,5ml có chứa: Huyết thanh tủy p 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tủy p 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Mỗi bơm tiêm chứa 1 liều đơn 0,5ml có chứa: Huyết thanh tủy p 1 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 3 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 4 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 5 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 6A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 6B polysaccharid phé cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tủy p 7F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 9V polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 14 polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 18C polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 19A polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 19F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tủy p 23F polysaccharid phé cầu khuẩn 2,2mcg; Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Nhóm 1	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn và 1 kim tiêm	36	QLVX-H03-1142-19	Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Pfizer Ireland Pharmaceuticals -Ireland. Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Belgium NV- Bỉ; Cơ sở sản xuất và đóng gói cấp 1: Ireland. Cơ sở đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Bỉ	Hộp	1.134.000	50	56.700.000

TT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tuổi thọ (tháng)	G.D.N.L.H hoặc GPVK	Cơ sở sản xuất; Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4		5	6	7		8	9	10	11	12	
7	Prionix	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz), Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385), Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	$\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀ , $\geq 10^{3,7}$ CCID ₅₀ , $\geq 10^{3,0}$ CCID ₅₀	Nhóm 1	Tiêm	Bột vắc xin đông khô	Hộp 1 lọ vắc xin đông khô, 1 bơm tiêm đồng sản dung môi (nước cất pha tiêm) x 0,5ml và 2 kim tiêm	24	VX-1225-21	- Cơ sở sản xuất vắc xin (tạo công thức, đóng ống, đóng khô) FIDIA Farmaceutici S.p.A. Ý. - Cơ sở đóng gói thành phẩm (Vắc xin và nước pha tiêm) GlaxoSmithKline Biologicals S.A., Bỉ. - Cơ sở xuất xưởng thành phẩm: GlaxoSmithKline Biologicals S.A., Bỉ. - Cơ sở sản xuất nước pha tiêm: Aspen Noire-Dane de Bondeville, Pháp. - Calant Belgium S.A., Bỉ. GlaxoSmithKline Biologicals S.A., Bỉ. Nước sản xuất vắc xin: Ý. - Nước đóng gói & xuất xưởng thành phẩm: Bỉ. - Nước sản xuất Nước pha tiêm: Pháp & Bỉ	Hộp	270.000	20	5.400.000
8	Rotarix	Mỗi liều 1,5 ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 $\geq 10^{6,0}$ (10 mũ 6,0) CCID ₅₀	Mỗi liều 1,5 ml chứa Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 $\geq 10^{6,0}$ (10 mũ 6,0) CCID ₅₀	Nhóm 1	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Hộp 1 ống x 1,5ml; hộp 1 vẩy x 1,5ml	36	540310 037023	Cơ sở sản xuất: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; Cơ sở xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; Cơ sở sản xuất: Bỉ, Cơ sở xuất xưởng: Bỉ	Hộp	766.835	100	76.683.500
9	Synflorix 0,5ml	Mỗi liều (0,5ml) chứa: 1mcg polysaccharide của các tủy huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2, 23F1,2 và 3mcg của các tủy huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,4	1mcg: 3mcg	Nhóm 1	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 bơm tiêm đồng sản + 1 kim tiêm/ 1 liều 0,5ml	48	QLVX-1079-18	Cơ sở sản xuất: GlaxoSmithKline Biologicals S.A. Cơ sở sản xuất và đóng gói: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; Sản xuất và đóng gói: Pháp, Xuất xưởng: Bỉ	Hộp	829.900	150	124.485.000
10	Twintix	Hepatitis A virus antigen (HIM175 strain) r-DNA Hepatitis B virus surface antigen (HBsAg)	Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HIM175 strain) 720 Elisa Units, r-DNA Hepatitis B virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Nhóm 1	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 01 bơm tiêm đồng sản một liều vắc xin (1,0ml) và 1 kim tiêm	36	QLVX-1078-18	Cơ sở sản xuất, đóng gói thủ cấp và xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals S.A.; Cơ sở đóng gói sơ cấp: GlaxoSmithKline Biologicals NL der SmithKline Beecham Pharma GmbH & Co.KG; Nước sản xuất, đóng gói thủ cấp & xuất xưởng: Bỉ. Nước đóng gói sơ cấp: Đức	Hộp	510.922	15	7.663.830

TT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tuổi thọ (tháng)	GD/LH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất; Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4		5	6	7		8	9	10	11	12	
11	Varilrix	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA)	$\geq 103,3$ PFU	Nhóm 5	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 1 lọ vắc xin đông khô, 1 bơm tiêm đồng sản dùng mỗi hoàn nguyên (0,5 ml) và 2 Kim tiêm	24	QL.VX-1139-19	Nhà sản xuất dạng bào chế vắc xin: Corixa Corporation dha GlaxoSmithKline Vaccines, Cơ sở sản xuất ông dùng môi: Catalent Belgium SA và Aspen Notre Dame de Bondeville, Cơ sở đóng gói & xuất xưởng: GlaxoSmithKline Biologicals S.A; Nước sản xuất dạng bào chế vắc xin: Hoa Kỳ; Nước sản xuất ông dùng môi: Bỉ và Pháp; Nước đóng gói & xuất xưởng: Bỉ	Hộp	836 164	50	41.808.200
12	Varivax	OkaMerck varicella virus, live, attenuated ≥ 1350 PFU	OkaMerck varicella virus, live, attenuated ≥ 1350 PFU/0,0,5ml	Nhóm 1	Tiêm	Bột đông khô kèm lọ dung môi	Hộp 1 lọ bột đông khô kèm 1 lọ dung môi	24	00131 0037823	Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: Merck Sharp & Dohme LLC (Địa chỉ: 770 Sunnyside Pike, West Point, PA 19486, Mỹ) - Cơ sở sản xuất dung môi: Jubilant HollisterStier LLC (Địa chỉ: 3525 North Regal Street, Spokane, 99207, Mỹ) - Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme BV (Địa chỉ: Waarderweg 39, Haarlem, 2031 BN, Hà Lan); Cơ sở sản xuất và đóng gói sơ cấp: Mỹ - Cơ sở sản xuất dung môi: Mỹ - Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Hà Lan	Lọ	915.805	20	18.316.100
Cộng: 12 khoản														470.362.070
3. Công ty Cổ phần Biovac Việt Nam														-

TT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm T.C.K.T	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tuổi thọ (tháng)	C.D.K.L.H hoặc G.P.N.K	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
1	V.A.-MENGOCC-BC	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn náo mô cầu nhóm B - 50mcg/0,5ml; Polysaccharide vỏ vi khuẩn náo mô cầu nhóm C: 50mcg/0,5ml	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn náo mô cầu nhóm B - 50mcg/0,5ml; Polysaccharide vỏ vi khuẩn náo mô cầu nhóm C: 50mcg/0,5ml	Nhóm 5	Tiền	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ, 0,5 ml/lọ	36	850310110 724 (QL.VX- H02-985- 16)	Instituto Finlay de Vacunas, Cuba	Lọ	175 392	200	35 078 400
2	Vắc xin viêm gan B tại tổ hợp - Gene-HBvax	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết $\approx 10\mu\text{g}/0,5\text{ml}$	0,5 ml/liều	Nhóm 4	Tiền	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ, 0,5 ml/lọ	36	893310036 423; (QL.VX- 1043-17)	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1; Việt Nam	Lọ	56 070	500	28 035 000
3	Vắc xin viêm gan B tại tổ hợp Gene-HBvax	Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B tinh khiết $\approx 20\mu\text{g}/1\text{ml}$	20mcg/1ml/ 10	Nhóm 4	Tiền	Hỗn dịch tiêm	Hộp 10 lọ, 1ml/lọ	36	893310036 523; (QL.VX- 1044-17)	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1; Việt Nam	Lọ	80 640	200	16 128 000
4	Vắc xin Viêm não Nhật Bản-JEVAX	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết	1ml/liều	Nhóm 4	Tiền	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 10 lọ, 1ml/lọ (1 liều người lớn)	24	QL.VX- 0763-13	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1; Việt Nam	Lọ	59 640	30	1.789 200
5	Vắc xin Tả uống - mORCVAX	V. cholerae O1, El Tor, Phil 6973 (bất hoạt bằng formaldehyde) 600E.U. LPS; V. cholerae O139, 4260B (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U. LPS; V. cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng formaldehyde) 300 E.U. LPS; V. cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng nhiệt độ); V. cholerae O1, Cairo 48 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS	1,5 ml/liều	Nhóm 4	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 10 lọ x 1,5 ml - 1 liều	24	QL.VX-825- 14	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1; Việt Nam	Lọ	75 385	50	3.769 250
6	Influvac Tetra	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Darwin/9/2021 (H3N2)-like strain (A/Darwin/9/2021, SAN-010) 15mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09-like strain (A/Victoria/4897/2022, IYR-238) 15mcg haemagglutinin, B/Australia/1359417/2021-like strain (B/Australia/1359417/2021, BVR-26) 15mcg haemagglutinin, B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type) 15mcg haemagglutinin	≥ 40 IU/0,5ml	Nhóm 1	Tiền	Hỗn dịch tiêm	Hộp có 1 xy lanh chứa 0,5ml hỗn dịch	12	870310304 024 (VX3- 1228-21)	Abbott Biologicals B.V., Hà Lan	Hộp/ xy lanh/ Liều	264 000	500	132.000 000

TT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm T.C.K.T	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tuổi thọ (tháng)	GD/LH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất: Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4		5	6	7		8	9	10	11	12	
7	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Giải độc tố uốn ván tinh chế	≥ 40 IU/0.5ml	Nhóm 4	Tiêm	Hàn dịch tiêm	(0.5ml/ống chứa 01 liều vắc xin), Hộp 20 ống	36	893310323 125; (QLVX-881-15)	Viện Vắc xin và sinh phẩm Y tế: Việt Nam	Ông	16.262	60	975.720
8	Vắc xin phòng lao (BCG)	Mỗi ống (10 liều) chứa BCG sống, đông khô 0.5mg	0.5mg BCG sống đông khô	Nhóm 4	Tiêm	Bột đông khô	Hộp chứa 20 ống x 10 liều (0.5mg) kèm 1 hộp 20 ống natri clorid 0,9% x 1ml	30	893310251 023 (QLVX-996-17)	Viện Vắc xin và sinh phẩm Y tế: Việt Nam	Ông (đóng 10 liều)	83.160	60	4.989.600
9	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)	Globulin kháng độc tố uốn ván	1500 đvqt	Nhóm 4	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống hai vi x 1500đvqt	24	893410250 823(QLSP-1037-17)	Viện Vắc xin và sinh phẩm Y tế: Việt Nam	Ông	34.852	40	1.394.080
Cộng: 09 khoản														224.159.250
Tổng cộng: 26 khoản														779.426.945